



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2017



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 35

100  
CỘNG  
HỢP  
NG  
DỤC  
HÀN  
GI  
/KI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.046.077.462</b>	<b>2.760.454.724</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>24.413.533</b>	<b>144.092.732</b>
111	1. Tiền		24.413.533	144.092.732
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.005.222.907</b>	<b>2.612.035.069</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	202.555.014	75.936.361
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	295.799.883	7.405.264
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	10.302.285	611.768.955
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	496.565.725	1.916.924.489
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>13.194.565</b>	<b>2.514.356</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	13.570.602	2.786.956
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(376.037)	(272.600)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.246.457</b>	<b>1.812.567</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	34.610	540.242
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.926.016	986.494
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		285.831	285.831
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>17.186.691.614</b>	<b>16.658.835.728</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.746.922.974</b>	<b>3.874.467.877</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	25	4.491.728.289	3.853.343.420
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	1.255.194.685	21.124.457
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>27.270.616</b>	<b>40.661.481</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.840.045	10.247.913
222	Nguyên giá		22.319.279	28.256.563
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.479.234)	(18.008.650)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	24.430.571	30.413.568
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.766.614)	(17.783.617)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>11.411.067.157</b>	<b>12.743.162.129</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	11.189.187.485	12.563.586.935
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	286.004.636	286.004.636
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.1	(64.124.964)	(106.429.442)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.430.867</b>	<b>544.241</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.430.867	544.241
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>18.232.769.076</b>	<b>19.419.290.452</b>

2753  
TY  
AN  
NHIEP  
TE  
ANH  
AI  
I.GIA



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.204.351.701</b>	<b>9.391.911.447</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.277.697.073</b>	<b>1.124.466.235</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	168.392.727	72.458.084
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	173.987.243	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		183.501	229.158
314	4. Phải trả người lao động		279.547	2.647.623
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	26.960.201	49.257.238
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.504.320.548	366.505.359
320	7. Vay ngắn hạn	18	403.573.306	633.368.773
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.926.654.628</b>	<b>8.267.445.212</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	16	152.450.400	62.765.852
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	678.380.824	90.503.476
338	3. Vay dài hạn	18	5.095.823.404	8.114.175.884
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19</b>	<b>10.028.417.375</b>	<b>10.027.379.005</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>10.028.417.375</b>	<b>10.027.379.005</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.671.438.950	7.671.438.950
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.292.427.615	1.291.389.245
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.291.389.245	1.185.386.410
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.038.370	106.002.835
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>18.232.769.076</b>	<b>19.419.290.452</b>



Phạm Thị Lưu Ly  
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
Quý IV năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	378.841.127	108.438.613	1.116.144.245	188.970.898
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	378.841.127	108.438.613	1.116.144.245	188.970.898
11	3. Giá vốn hàng bán	21	(353.645.238)	(99.135.278)	(937.094.639)	(173.574.358)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.195.889	9.303.335	179.049.606	15.396.540
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	161.676.378	129.916.213	589.241.072	794.749.353
22	6. Chi phí tài chính	22	(143.682.593)	(235.923.268)	(707.563.694)	(663.659.663)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(114.535.989)	(141.989.720)	(540.394.599)	(549.707.937)
25	7. Chi phí bán hàng		(8.494.047)	(8.230.659)	(45.011.892)	(12.733.911)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(6.840.398)	(6.430.936)	(28.841.692)	(22.398.389)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.855.229	(111.365.315)	(13.126.600)	111.353.930
31	10. Thu nhập khác	23	1.752.370	14.201	18.951.604	838.824
32	11. Chi phí khác	23	(2.004.905)	2.614.598	(4.786.634)	(6.189.920)
40	12. Lợi nhuận khác	23	(252.535)	2.628.799	14.164.970	(5.351.096)



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.602.694	(108.736.516)	1.038.370	106.002.834
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	-	-	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		27.602.694	(108.736.516)	1.038.370	106.002.834



Phạm Thị Lưu Ly  
 Người lập

Ngày 30 tháng 01 năm 2018



Hồ Thị Tuyết Loan  
 Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
 Quý IV năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b> <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		<b>1.038.370</b>	<b>106.002.834</b>
02	Khấu hao tài sản cố định	10,11	8.332.274	9.515.998
03	Dự phòng		(42.201.041)	104.332.253
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(378.093)	793.308
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư		(390.521.298)	(794.734.625)
06	Chi phí lãi vay		549.233.085	556.325.125
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>125.503.297</b>	<b>(17.765.107)</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(356.541.500)	(63.844.907)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(10.783.646)	(1.758.060)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		302.815.710	(4.711.044)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(380.994)	(506.096)
14	Tiền lãi vay đã trả		(162.664.335)	(311.099.880)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>(102.051.468)</b>	<b>(399.685.094)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(13.108.861)	(402.756)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		12.648.843	1.363.300
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		-	(725.136.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		381.207.754	292.295.457
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(750.000)	(5.019.147.150)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.330.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.286.937	283.137.065
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>1.747.284.673</b>	<b>(5.167.890.084)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.652.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		1.389.030.087	4.479.120.930
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn	10,11	(3.153.939.102)	(420.026.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính</b>		<b>(1.764.909.015)</b>	<b>5.711.094.930</b>
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(119.675.810)	143.519.752
60	Tiền đầu kỳ	4	144.092.732	572.980
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.389)	-
70	Tiền cuối kỳ	4	24.413.533	144.092.732



Phạm Thị Lưu Ly  
 Người lập

Ngày 30 tháng 01 năm 2018



Hồ Thị Tuyết Loan  
 Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh  
 Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
Quý IV năm 2017**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 9 tháng 5 năm 2017, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười lăm, thay đổi tên giám đốc công ty từ ông Nguyễn Xuân Thắng thành bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 63,70% vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**2.3 Năm tài chính** (tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2017 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
---	---

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

59  
C  
C  
ON  
Q  
OÀ  
G  
TK



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau :

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.12 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng	24.126.743	143.954.654
Tiền mặt tại quỹ	286.790	138.078
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.413.533</b>	<b>144.092.732</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	130.939.883	30.858.935
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	71.615.131	45.077.426
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>202.555.014</b>	<b>75.936.361</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	11.559.824	3.599.840
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	284.240.059	3.805.424
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>295.799.883</b>	<b>7.405.264</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	459.164.964	1.915.427.243
Các khoản khác	37.400.761	1.497.246
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>496.565.725</u></b>	<b><u>1.916.924.489</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Hàng hóa	13.307.332	2.414.654
Công cụ, dụng cụ	161.439	298.963
Nguyên vật liệu	101.831	73.339
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(376.037)	(272.600)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.194.565</u></b>	<b><u>2.514.356</u></b>

**9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	1.250.194.685	21.124.457
Các khoản khác	5.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.255.194.685</u></b>	<b><u>21.124.457</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.756.830	17.006.392	5.078.185	415.156	28.256.563
Mua sắm mới	4.420.218	458.110	1.766.111	-	6.644.439
Thanh lý, nhượng bán	<u>(10.177.048)</u>	<u>(458.110)</u>	<u>(1.853.593)</u>	<u>(92.972)</u>	<u>(12.581.723)</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>-</u>	<u>17.006.392</u>	<u>4.990.703</u>	<u>322.184</u>	<u>22.319.279</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(189.525)	(14.938.474)	(2.596.464)	(284.187)	(18.008.650)
Tăng trong kỳ	(287.964)	(1.345.525)	(707.606)	(8.182)	(2.349.277)
Thanh lý, nhượng bán	<u>477.489</u>	<u>8.851</u>	<u>389.253</u>	<u>3.100</u>	<u>878.693</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>-</u>	<u>(16.275.148)</u>	<u>(2.914.817)</u>	<u>(289.269)</u>	<u>(19.479.234)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>5.567.305</u>	<u>2.067.918</u>	<u>2.481.721</u>	<u>130.969</u>	<u>10.247.913</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>-</u>	<u>731.244</u>	<u>2.075.886</u>	<u>32.915</u>	<u>2.840.045</u>



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i> <i>Phần mềm</i> <i>máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>48.197.185</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>48.197.185</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(17.783.617)
Tăng trong kỳ	<u>(5.982.997)</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>(23.766.614)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>30.413.568</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>24.430.571</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**

**12.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (*)	Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi bò	-	-	-	99,99	1.375.149.450	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.646	-	100,00	943.513.646	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	99,91	3.277.737.120	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Trồng cây công nghiệp và bất động sản	99,53	394.313.155	-	99,53	394.313.155	(51.239.691)
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	-	100,00	171.654.457	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi	99,00	615.584.549	-	99,00	615.584.549	(21.242.922)
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(64.124.964)	100,00	100.000.000	(33.946.829)
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.647.600	-	99,70	798.397.600	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp	69,50	695.945.000	-	69,50	695.695.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.250.000	-	100,00	1.650.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11.189.187.485</b>	<b>(64.124.964)</b>		<b>12.563.586.935</b>	<b>(106.429.442)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

(\*) Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng bán toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai cho hai Công ty là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa với trị giá 1.330.000.000 ngàn VND.

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí trả trước ngắn hạn	34.610	540.242
Chi phí trả trước dài hạn	1.430.867	544.241
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.465.477</b>	<b>1.084.483</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	168.392.727	55.669.439
Phải trả tiền mua cổ phần	-	3.710.000
Các khoản khác	-	13.078.645
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>168.392.727</b>	<b>72.458.084</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 147.945.973 ngàn VND (Thuyết minh số 25).

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người mua trả tiền trước hàng hóa	173.987.243	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>173.987.243</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, người mua trả tiền trước bao gồm các khoản người mua trả tiền trước các bên liên quan là 89.090.732 ngàn VND (Thuyết minh số 25).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.960.201</b>	<b>49.257.238</b>
Chi phí lãi vay	430.616	24.012.500
Chi phí khác	26.529.585	25.244.738
<b>Dài hạn</b>	<b>152.450.400</b>	<b>62.765.852</b>
Thuế chuyển cổ tức và thuế nhà thầu Công TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	152.450.400	-
Chi phí lãi vay	-	62.765.852
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>179.410.601</b>	<b>112.023.090</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.504.320.548</b>	<b>366.505.359</b>
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	696.748.336	169.092.163
Phải trả khác bên thứ ba	807.572.212	197.413.196
<b>Dài hạn</b>	<b>678.380.824</b>	<b>90.503.476</b>
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	346.274.401	83.336.578
Phải trả khác bên thứ ba	332.106.423	7.166.898
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.182.701.372</b>	<b>457.008.835</b>

**18. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>403.573.306</b>	<b>633.368.773</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng ( <i>Thuyết minh số 18.1</i> )	299.597.754	-
Vay ngắn hạn bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 18.2</i> )	12.091.300	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 18.3</i> )	5.167.052	5.179.552
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 18.4</i> )	86.717.200	297.091.268
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 18.5</i> )	-	331.097.953
<b>Vay dài hạn</b>	<b>5.095.823.404</b>	<b>8.114.175.884</b>
Vay dài hạn ngân hàng ( <i>Thuyết minh số 18.3</i> )	981.412.195	988.331.032
Vay dài hạn trái phiếu ( <i>Thuyết minh số 18.4</i> )	2.030.418.476	1.817.205.919
Vay dài hạn bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 18.5</i> )	2.083.992.733	5.308.638.933
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.499.396.710</b>	<b>8.747.544.657</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Tiên Phong ("TPBank"), Hà Nội	299.597.754	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>299.597.754</b>	<b>-</b>

18.2 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	12.091.300	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.091.300</b>	<b>-</b>

18.3 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	724.124.642	731.055.979
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>986.579.247</b>	<b>993.510.584</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	981.412.195	988.331.032
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.167.052	5.179.552

18.4 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường trong nước vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

	Ngàn VND
Mệnh giá "Trái phiếu 1.700"	1.694.000.000
Mệnh giá "Trái phiếu 457"	431.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(7.864.325)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.117.135.675</b>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	86.717.200
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>	2.030.418.475

**Trái phiếu 1.700**

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 01 (một) tỷ VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") thu xếp phát hành. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.4 Trái phiếu thường (tiếp theo)**

**Trái phiếu 1700 (tiếp theo)**

tiếp theo bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm.

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu, mía đường tại Campuchia và Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - Công ty mẹ (Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ("NCB") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBank") với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND và 1.400 tỷ VND, chịu lãi suất từ 11,4% và 10,9% một năm trong kỳ này. Trong đó Trái phiếu nắm giữ bởi VPBank đã được gia hạn thời gian hoàn trả và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 08 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021; Trái phiếu nắm giữ bởi NCB được gia hạn thời gian hoàn trả và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 02 năm 2019 đến 17 tháng 12 năm 2021.

**Trái phiếu 457**

Vào ngày 27/12/2016 và ngày 29/12/2016, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đặt mua lần lượt 290 trái phiếu và 141 trái phiếu do Công ty phát hành, mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 01 (một) tỷ VND. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một (01) lần, bắt đầu trả lãi vào ngày 27/03/2018, số tiền lãi trái phiếu được ân hạn sẽ được chia làm bốn (04) và được thanh toán vào ngày 27 của các tháng ba (3), sáu (6), chín (9) và mười hai (12) năm 2018. Lãi suất áp dụng cho ba (03) kỳ tính lãi đầu tiên cố định là 10,5%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiền gửi cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu đợt này là để cơ cấu nợ lãi trái phiếu. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 195.567.440 cổ phiếu (đồng thể chấp cho Trái phiếu 1700) của Công ty (HNG) được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ); toàn bộ quyền thuê, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta tại huyện Lumphat, tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.

**18.5 Các khoản vay dài hạn bên liên quan**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ)	1.957.824.733	5.639.736.886
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai (Bên liên quan)	126.168.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.083.992.733</b>	<b>5.639.736.886</b>
Trong đó :	-	-
Vay dài hạn	2.083.992.733	5.308.638.933
Vay dài hạn đến hạn trả	-	331.097.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Quý 4 năm 2016</b>				
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.411	8.269.376.171
Phát hành Cổ phiếu thu bằng tiền	590.000.000	1.062.000.000	-	1.652.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	106.002.834	106.002.834
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>7.671.438.950</b>	<b>1.064.550.810</b>	<b>1.291.389.245</b>	<b>10.027.379.005</b>
<b>Quý 4 năm 2017</b>				
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.671.438.950	1.064.550.810	1.291.389.245	10.027.379.005
Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	1.038.370	1.038.370
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>7.671.438.950</b>	<b>1.064.550.810</b>	<b>1.292.427.615</b>	<b>10.028.417.375</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**19.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	488.665.840	4.886.658.400	63,70	4.886.658.400
Cổ đông khác	278.478.055	2.784.780.550	36,30	2.784.780.550
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>767.143.895</b>	<b>7.671.438.950</b>	<b>100,00</b>	<b>7.671.438.950</b>

**19.3 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	767.143.895

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

**20. DOANH THU**

**20.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa, dịch vụ	378.841.127	108.438.613	1.116.144.245	188.970.898
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>378.841.127</b>	<b>108.438.613</b>	<b>1.116.144.245</b>	<b>188.970.898</b>

**20.2 DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	-	-	-	304.875.000
Lãi cho vay	161.659.917	128.219.673	588.725.806	487.795.169
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.642	1.681.199	246.850	2.063.843
Chênh lệch tỷ giá	5.819	15.341	268.416	15.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>161.676.378</b>	<b>129.916.213</b>	<b>589.241.072</b>	<b>794.749.353</b>



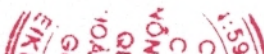
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	353.645.238	99.135.278	937.094.639	173.574.358
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>353.645.238</b>	<b>99.135.278</b>	<b>937.094.639</b>	<b>173.574.358</b>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

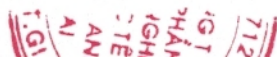
	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	114.535.989	141.989.720	540.394.599	549.707.937
Chi phí từ việc thanh lý Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	-	-	198.533.750	-
Chênh lệch tỷ giá	539.095	(797.197)	1.494.428	-
Chi phí phát hành trái phiếu	2.227.593	2.213.749	8.838.486	6.617.188
Dự phòng các khoản đầu tư	26.379.916	91.611.900	(42.304.478)	106.429.442
Các khoản khác	-	905.096	606.909	905.096
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>143.682.593</b>	<b>235.923.268</b>	<b>707.563.694</b>	<b>663.659.663</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**23. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.752.370</b>	<b>14.201</b>	<b>18.951.604</b>	<b>838.824</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	-	82.392	614
Thu tiền vi phạm hợp đồng	-	-	16.232.149	-
Các khoản khác	1.752.370	14.201	2.637.063	838.210
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.004.905</b>	<b>(2.614.598)</b>	<b>4.786.634</b>	<b>6.189.920</b>
Chi phí vi phạm hợp đồng	256.078	(3.180.630)	371.752	3.124.371
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	(191.132)	-	-
Các khoản khác	1.748.827	757.164	4.414.882	3.065.549
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(252.535)</b>	<b>2.628.799</b>	<b>14.164.970</b>	<b>(5.351.096)</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ thuế hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế TNDN hiện hành**

	Ngàn VND	
	12 tháng năm 2017	12 tháng năm 2016
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.038.370</b>	<b>106.002.834</b>
Tiền phạt	371.752	22.511
Chi phí không đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ	4.995.442	7.200.550
Thu nhập cổ tức	-	(304.875.000)
Các khoản khác	-	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>6.405.564</b>	<b>(191.649.105)</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
<b>Thuế TNDN trả trước cuối kỳ</b>	<b>(285.831)</b>	<b>285.831</b>

**25. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND
			Số tiền
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay tiền	16.179.000
		Chi phí lãi vay	188.735.979
		Mua hàng hóa	332.000
		Mua tài sản	1.569.845
		Cho mượn	6.392.507
		Mượn tiền	43.320.000
		Chi hộ	5.354.650
	Khác	374.717	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**25. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Số tiền</i>	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu, dịch vụ	18.235.640	
		Mua hàng hóa	44.714	
		Mua tài sản	33.110	
		Bán hàng hóa, dịch vụ	124.187.971	
		Cho mượn	10.362	
		Mượn tiền	22.670.000	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk	Công ty con	Lãi cho vay	15.317.124	
		Bán hàng hóa	1.263.229	
		Cho mượn	4.772.000	
		Mượn tiền	8.000.000	
Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	6.540.750	
		Mua hàng hóa	9.377.547	
		Cho mượn	746.809	
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	179.711.480	
		Bán hàng hóa	88.765.301	
		Mua hàng hóa	215.646.778	
		Cho mượn	3.595.223	
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	106.447.051	
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	107.025.611	
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	50.063.259	
		Bán hàng hóa, dịch vụ	6.894.573	
		Cho mượn	14.020.000	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	633.924	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua tài sản	519.200	
		Lãi cho vay	47.338.847	
		Mua hàng hóa	3.501.325	
		Bán hàng hóa, dịch vụ	9.820.540	
		Bán tài sản	343.000	
		Cho mượn	28.777	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	15.703.441	
		Mua hàng hóa	119.290.583	
		Cho mượn	1.600.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	42.583.333	
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Đi vay	126.168.000	
		Chi phí lãi vay	5.572.420	
		Mượn tiền	71.800.000	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**25. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND Số tiền
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	24.725.081 161.930.104
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn	89.668.435 54.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	5.950.000
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	22.434
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa, dịch vụ Mua tài sản Bán dịch vụ	5.153.541 3.077.771 690
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua tài sản Mua dịch vụ	105.240 114.991
CN Khách sạn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa Mua dịch vụ	15.555 455.566
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – CN Chế Biến Hoa Quả Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ Cho mượn Bán hàng hóa, dịch vụ Bán tài sản	6.866.205 219.000 3.693.639 11.467.723
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Cho mượn	12.834.569 148.863.822 268.465
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Heygo	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.033.014
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Bên liên quan	Chi phí lãi vay	10.170.174
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua tài sản Mua dịch vụ Cho mượn	270.000 75.064 18.900.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn	475.000
Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn	900.000
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mua hàng hóa	7.938.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**25. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i></b>			
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	6.789.994
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - CN Chế Biến Hoa Quả	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.046.163
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.653.973
CN Khách sạn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	200
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	54.684.592
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	2.928.797
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	1.511.412
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>71.615.131</b>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	10.302.285
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.302.285</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Quỹ khen thưởng	2.105.085
Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Khác	789.018
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh LumPhat	Công ty con	Khác	2.941.301
Công ty TNHH MTV Hoàng Rattanakiri	Công ty con	Khác	7.239.727
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Khác	5.406.428
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Khác	413.405.778



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**25. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)</i></b>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Khác Cổ tức	6.445.704 19.507.500
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Khác	166.884
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Khác	557.641
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 02	Công ty con	Khác	589.536
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Khác	10.362
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>459.164.964</b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.631.811.594
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	4.466.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.474.043
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	98.507.655
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	173.395.050
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.491.728.289</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**25. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Phải thu dài hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi vay	9.365.327
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi vay	770.881
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi vay	254.355.304
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay	63.053.979
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi vay	185.394.853
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi vay	251.639.528
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi vay	422.043.980
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	63.570.833
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.250.194.685</b>
<b><i>Ứng trước cho nhà cung cấp</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	101.660.116
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	52.364.121
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	30.430.388
Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	52.573.504
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	28.667.096
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	11.275.592
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 02	Công ty con	Mua hàng hóa	4.548.000
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	653.839



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**25. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Ứng trước cho nhà cung cấp (tiếp theo)</i></b>			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	2.067.403
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>284.240.059</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Chi nhánh Khách sạn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	430.728
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	83.166.966
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	31.708.739
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	20.883.841
Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	3.798.449
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mua hàng hóa	7.957.250
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>147.945.973</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	35.612.963
Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	23.172.775
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	30.304.994
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>89.090.732</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**25. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	107.617.742
Công ty cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	5.950.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi vay	5.260.420
		Mượn tiền	67.800.000
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Bên liên quan	Lãi vay	10.120.174
		Mượn tiền	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>696.748.336</b>
<b><i>Phải trả dài hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	346.274.401
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>346.274.401</b>
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	12.091.300
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>12.091.300</b>
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	1.957.824.733
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Vay dài hạn	126.168.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.083.992.733</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2017

**26. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017, giữa Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, HNG cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Sau khi xem xét và tính toán lại các khoản phải nộp cho chính phủ Lào liên quan đến thuế chuyển nhượng cổ tức về Việt Nam và thuế nhà thầu phát sinh trước ngày 31 tháng 8 năm 2016, HNG quyết định điều chỉnh lại lợi nhuận thanh lý Nhóm công ty Mía đường tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Theo đó, các số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được điều chỉnh như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ**

	6 tháng năm 2017 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại	Ngàn VNĐ 6 tháng năm 2017 (được trình bày lại)
7. Chi phí tài chính	(287.477.423)	(152.450.400)	(439.927.823)
10. Lợi nhuận thuần từ kết quả hoạt động kinh doanh	95.496.459	(152.450.400)	(56.953.941)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.759.801	(152.450.400)	(55.690.599)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.759.801	(152.450.400)	(55.690.599)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ**

	6 tháng năm 2017 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của Việc điều chỉnh lại	Ngàn VNĐ 6 tháng năm 2017 (được trình bày lại)
1. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước đây	96.759.801	(152.450.400)	(55.690.599)
5. (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(242.595.918)	152.450.400	(90.145.518)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2017

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng này.



Phạm Thị Lưu Ly  
Người lập

Ngày 30 tháng 01 năm 2018



Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Giám đốc

